UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:200 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 18 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh đơn giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng Lò đốt T-Tech CNC-1000 trên địa bàn huyện Văn Quan

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 19/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 38/TTr-STNMT ngày 14/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh đơn giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng lò đốt T-Tech CNC-1000 trên địa bàn huyện Văn Quan như sau:

1. Đơn giá dịch vụ: 524.000 đồng/tấn (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

2. Thời gian thực hiện: đến khi có văn bản mới thay thế.

3. Chi tiết đơn giá dịch vụ tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trên cơ sở đơn giá điều chỉnh tại Điều 1 Quyết định này, Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ Tân Minh (đơn vị cung ứng dịch vụ xử lý rác thải sinh hoạt) ký kết hợp đồng dịch vụ xử lý rác thải sinh hoạt với UBND huyện

Văn Quan và tổ chức, cá nhân có liên quan đảm bảo trong phạm vi hoạt động dự án theo quy định.

2. UBND huyện Văn Quan và các đơn vị liên quan thực hiện việc đấu thầu hoặc đặt hàng theo quy định; có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ lò đốt T-Tech CNC-1000 của đơn vị cung ứng dịch vụ xử lý rác thải sinh hoạt theo quy định.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu, số liệu và các nội dung thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1896/QĐ-UBND ngày 26/11/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ Lò đốt T-Tech CNC-1000 trên địa bàn huyện Văn Quan.

Điều 4. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc kho bạc nhà nước Lạng Sơn; Chủ tịch UBND huyện Văn Quan; Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ Tân Minh; Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, KHĐT, LĐTBXH, TP;
- Cục Thuế tỉnh;
- PVP UBND tỉnh, các Phòng: TH, NC Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Lương Trọng Quỳnh



PHỤ LỤC

Đơn giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ lò đốt T-Tech CNC-1000 trên địa bàn huyện Văn Quan

(Kèm theo Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 18/01/2025 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Đơn giá *(đồng/tấn)*	Ghi chú
I	**Sản lượng tính giá**	**Tấn/tháng**		
II	**Chi phí sản xuất**			
1	**Chi phí trực tiếp**	**Ctt = Cvt + Cnc+Cm+**	**371.580**	
1.1	Chi phí vật tư trực tiếp	Cvt	20.464	
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp	Cnc	222.626	
2.1	Chi phí máy, thiết bị trực tiếp	Cm	128.490	
2	**Chi phí sản xuất chung**	**Csxc**	**69.404**	
	Chi phí sản xuất chung		95.729	Tính bằng 43% chi phí nhân công trực tiếp theo Quyết định 1983
2.1	Chi phí khấu hao máy, TS chưa có trong định mức	Ckh		
2.2	Chi phí quan trắc	Cqt		
2.3	Điều chỉnh giảm tỷ lệ (27,5%) giá trị tài sản là Lò đốt rác do NSNN đầu tư/tổng mức đầu tư		-26.325	Điều chỉnh giảm tỷ lệ (%) giá trị tài sản là Lò đốt rác do NSNN đầu tư: Xác định theo cơ cấu nguồn vốn tại QĐ số 2238/QĐ-UBND ngày 14/11/2019, tổng mức đầu tư: 18,070 tỷ đồng; trong đó - NSNN mua mới Lò đốt rác: 4,960 tỷ đồng. - Vốn doanh nghiệp: 13,10 tỷ đồng. Như vậy tỷ lệ % nguồn vốn ngân sách/tổng vốn đầu tư là: 4,960 tỷđ/18,070 tỷđ = ***27,5%***

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Đơn giá *(đồng/tấn)*	Ghi chú
	Tổng chi phí sản xuất	$Cp = C_{VT} + C_{NC} + C_M + C_{SXC}$	***440.983***	
3	**Chi quản lý doanh nghiệp**	**Cq=Cp*4%**	**17.639**	Vận dụng thực hiện bằng 4% tổng chi phí sản xuất đã phê duyệt đơn giá tại Quyết định số 1896/QĐ-UBND ngày 26/11/2022.
	Tổng chi phí	**CT = Cp+Cq**	**458.623**	
4	**Lợi nhuận định mức (4%)**	**CT *4%**	**18.345**	Vận dụng bằng 4% trên chi phí trực tiếp và chi phí quản lý chung theo Quyết định số 1983/QĐ-UBND
5	**Tổng chi phí đã bao gồm lợi nhuận**		**476.967**	
6	**Thuế GTGT**		47.697	Thực hiện theo quy định tại Luật Thuế giá trị gia tăng, thuế suất 10%.
	Thuế GTGT năm 2022			
7	**Giá thành đã bao gồm thuế GTGT**		**524.664**	
	Làm tròn		**524.000**	